

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **220/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiếu.
2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị C, sinh năm: 1983.

ĐKHKTT: TDP 4, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: TDP 2, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: TDP 4, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị C, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, Bản tự khai ngày 18/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn Q), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm, đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh H là chồng mà không lo lắng gánh vác công việc trong gia đình, không chịu

phần đầu trong công việc, công việc không ổn định, thu nhập thấp. Chị phải tự lo toan, gánh vác mọi công việc trong gia đình, lo lắng về kinh tế, chăm sóc con nhỏ, rất mệt mỏi và áp lực, tinh thần không được thoải mái. Không những thế, anh H còn gia trưởng, bảo thủ, khó tính, nóng tính, thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khi nóng giận, anh H còn nhiều lần tát chị. Chị đã cố gắng chịu đựng gần 08 năm, đã khuyên nhủ anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi tính tình. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy vợ chồng chị mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Đào Thị Ánh Q, sinh ngày 04/10/2009. Các cháu khỏe mạnh bình thường. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu T ở anh H, cháu Q ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q, giao cho anh H nuôi dưỡng cháu T. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung Vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà cấp bốn xây trên đất của mẹ anh H, chị để anh H và cháu T ở, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ngày 02/8/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022, bị đơn là anh Đào Văn H trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn Q), huyện Yên Định ngày 15/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm, đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2009, anh bị tai nạn nên sức khỏe yếu, hay bị đau đầu và giảm thính giác. Từ sau khi bị tai nạn, anh không làm ra được nhiều tiền, dẫn đến chị C chán nản, không còn tình cảm với anh. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị C làm xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, do gia đình anh theo đạo Thiên Chúa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cũng không thể chung sống với nhau được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 chung là cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Đào Thị Ánh Q, sinh ngày 04/10/2009. Hiện nay cháu T đang ở với anh, còn cháu Q ở với chị C. Quan điểm của anh là mỗi người nuôi dưỡng một cháu như lâu nay, anh nuôi dưỡng cháu T, giao cho chị C nuôi dưỡng cháu Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà cấp bốn xây trên đất của mẹ anh, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị C được ly hôn với anh Đào Văn H. Về con chung: Giao cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 01/02/2006 cho anh Đào Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đào Thị Ánh Q, sinh ngày 04/10/2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị C và anh H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị C và anh H đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2010. Qua phần trình bày của các đương sự và xác minh tại địa phương, xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, nên thường xuyên cãi nhau, anh H. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã C thức sống ly thân năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị C xin ly hôn, về phía anh H cũng tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Anh H không có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng anh H không đồng ý ly hôn vì anh theo đạo Thiên Chúa, không được phép đồng ý ly hôn. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh H.

[4] Về con chung:

Chị C và anh H có 02 con chung là cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Đào Thị Ánh Q, sinh ngày 04/10/2009. Chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Q. Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị C, anh H là C đáng. Chị C và anh H đều có việc làm, có thu nhập, đủ điều kiện để nuôi con. Cháu T đang ở ổn định với anh H và cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Cháu Q đang ở ổn định với chị C và cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C và anh H đều không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con, vì vậy không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị C khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trịnh Thị C được ly hôn anh Đào Văn H.

2. *Về con chung:* Chị C và anh H có 02 con chung là cháu Đào Thị Ánh T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Đào Thị Ánh Q, sinh ngày 04/10/2009. Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Ánh T. Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Ánh Q. Chị C và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trịnh Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) mà chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003524 ngày 30/6/2022. Chấp nhận chị C đã nộp đủ án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND thị trấn Q, huyện Yên Định;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung

